

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Luyện

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Thân Văn Nhàn

Ông Hoàng Văn Tấn

Thư ký phiên tòa: Đoàn Thị Thúy Nga - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Việt Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 14/3/2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Việt Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 255/2022/HSST ngày 28 tháng 11 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2023/HSST-QĐ ngày 04/01/2023 đối với bị cáo:

1. Họ tên: Nguyễn Hữu L, sinh năm 1992; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không.

Nơi cư trú: thôn LS, xã KT, huyện LN, tỉnh BG

Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Tự do; trình độ học vấn: 9/12; con ông: không xác định được; con bà: Nguyễn Thị L có vợ: Vi Thị Q (đã ly hôn) và có 01 con

- Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị khởi tố áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt)

2. Họ tên: Nguyễn THnh L1, sinh năm 2002; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không.

Nơi cư trú: Thôn XL, xã BL, huyện QV, tỉnh BN

Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Tự do; trình độ học vấn: 8/12; con ông: Nguyễn Văn L, đã chết và bà: Nguyễn Thị C; Vợ, con: Chưa có.

- Tiền án, tiền sự: Không.

- Nhân thân: Tại quyết định xử phạt vi phạm Hành chính số 66A/QĐ-XPVPHC ngày 16/3/2018 của Công an huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh xử phạt “Cảnh cáo” về Hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy (bị can chưa đủ 16 tuổi).

Bị cáo bị khởi tố áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt)

Bị hại: Anh Nguyễn Tiến L2, sinh năm 1993 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: TT, xã KT, huyện LN, tỉnh BG

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Hoàng Thị Thu H, sinh ngày 19/11/2005 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố BC, thị trấn TY, huyện HY, tỉnh T Q

Người đại diện theo pháp luật: Bà Đặng Thị H1, sinh năm 1980 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố BC, thị trấn TY, huyện HY, tỉnh T Q

2. Chị Trần Thị Như Q, sinh năm 1995 (Vắng mặt)

Địa chỉ: thôn DN, xã PL, huyện QV, tỉnh BN

3. Anh Vi Văn T, sinh năm 1991 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn L, xã KT, huyện LN, tỉnh BG

4. Chị Ninh Thị Đ, sinh năm 1994 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn B, xã ND, huyện LN, tỉnh BG

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Hữu L, sinh năm 1992, trú tại thôn Lam Sơn, xã Kiên THnh, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang và anh Nguyễn Tiến L2, sinh năm 1993, trú tại thôn TT, xã KT, huyện LN, tỉnh BG là bạn chơi với nhau từ nhỏ. Khoảng đầu năm 2021, anh L2 có vay của L số tiền 2.000.000 đồng. Sau đó, L nhiều lần đòi nhưng anh L2 chưa trả và tránh việc gặp L mỗi lần L hẹn gặp. Ngày 23/9/2021, Nguyễn THnh L1- sinh năm 2002, trú tại thôn XL, xã BL, huyện QV, tỉnh Bắc Ninh (là bạn của L) và Hoàng Thị Thu H- sinh ngày 19/11/2005, trú tại tổ dân phố BC, thị trấn TY, huyện HY, tỉnh T Q (H là bạn của L1 và có quen biết L) cùng đến phòng trọ của L ở thôn Chùa, xã Tăng Tiến, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang chơi. Khoảng 23 giờ ngày 23/9/2021, L nhờ H sử dụng điện thoại của H để gọi điện cho anh L2, nói dối tên là Huyền (là người mà anh L2 mới quen) để hẹn anh L2 đến đón ở khu vực cầu vượt cho người đi bộ trên cao tốc H Nội- Bắc Giang, gần cây xăng thuộc thôn Chùa, xã Tăng Tiến, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, mục đích để khi anh L2 đến điểm hẹn L sẽ đến gặp anh L2 để đòi tiền và được H đồng ý. Sau đó, H đi ra khỏi phòng L trước, còn L và L1 đi ra sau. Khi đi L lấy 01 con dao, dạng dao gấp (còn gọi là dao lá lúa) màu trắng bằng inox, dài 20cm, lưỡi dao vát nhọn về phía đầu, phần rộng nhất của lưỡi dao là 0,8cm có sẵn tại phòng trọ của L rồi cất giấu vào trong túi quần phía trước bên phải, mục đích nếu gặp anh L2, L sẽ bỏ dao ra để anh L2 nhìn thấy, sẽ sợ mà trả tiền cho L. Trên đường đi, L và L1 cùng bàn bạc riêng với nhau về việc đòi tiền anh L2 nhưng không nói cho H biết. Khi H đã đi đến chân cầu vượt qua đường cao tốc, L và L1 đi đến khu vực cây xăng, L bảo L1 “Thôi, ngồi luôn ở cây xăng này” (ý của L là muốn H quay lại vị trí cây xăng để đợi anh L2 còn L và L1 đứng ở sườn đường gần đó) nhưng L1 bảo L “Đứng ở đây nhờ nó chạy mát thì sao, thôi đi lên cầu” nên L đồng ý. Sau đó, L bảo H đi lên cầu vượt trên cao qua đường cao tốc H Nội- Bắc Giang và hẹn anh L2 trên đó. Thấy H đã đi lên trên cầu, L1 bảo L sang phía đầu cầu bên kia (phía bên Vân Trung) còn L1 đứng bên này (hướng đi bộ từ cây xăng lên) nhưng L không sang nên L1 đã đi bộ sang phía đầu cầu bên Vân Trung đứng, còn L ngồi ở đầu cầu phía cây xăng Tăng Tiến (lối bậc thang lên- xuống). Một lúc sau, anh L2 đi xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, màu sơn đỏ-nâu, biển kiểm soát 98E1- 606.53 đi lên cầu, khi nhìn thấy H trên cầu, anh L2 đỗ xe cách H khoảng 2-3m và ngồi trên xe thì L đi từ phía sau đến chỗ anh L2, L dùng tay phải vỗ vào vai trái anh L2 làm cho anh L2 giật mình hoảng sợ nhảy khỏi xe mô tô. Sau đó, anh L2 nhìn quay lại thì thấy và nhận ra L nên anh L2 bình tĩnh lại và không sợ nữa. Khi L và anh L2 đã gặp nhau và nói chuyện, H đứng cách vị trí L và anh L2 khoảng 06 mét, người H tỳ sát vào lan can

cầu, H quay mặt nhìn xuống đường, quay lưng về phía L và anh L2. L và anh L2 nói chuyện về việc đòi lại số tiền 2.000.000 đồng mà anh L2 nợ L chưa trả, hai người tranh cãi về việc trả nợ nhưng anh L2 chưa đồng ý trả tiền cho L. Khi cả hai bên đang tranh cãi nhau, L1 đi từ đầu cầu (phía Vân Trung) tiến đến gần vị trí L và anh L2 đang đứng rồi L1 ngồi lên xe mô tô của anh L2, (cách vị trí anh L2 và L đứng khoảng 3-4 mét, cách vị trí của H khoảng 02 mét) và có chứng kiến L và anh L2 cãi nhau về việc trả nợ. Trong khi tranh cãi, L đã rút con dao từ trong túi quần từ trước, bật lưỡi dao ra, cầm con dao ở tay phải để bên cạnh sườn, mũi dao hướng về phía anh L2, mục đích để anh L2 sợ mà trả tiền cho L. Thấy vậy, anh L2 bảo L đi cùng về chỗ làm của anh L2 để anh L2 lấy tiền trả L nhưng L không đồng ý. Do vậy, anh L2 bảo L cùng đi cầm cố chiếc điện thoại của anh L2 đang dùng để lấy tiền trả L. Thấy anh L2 nói vậy, L đưa tay ra định lấy chiếc điện thoại của anh L2 đang cầm trên tay để xem chiếc điện thoại cụ thể thế nào thì anh L2 giật tay lại không cho L xem điện thoại. Tuy nhiên, L liên tục yêu cầu anh L2 đưa điện thoại cho L xem. Lúc này, L vẫn cầm dao ở tay nhưng anh L2 vẫn không cho L xem điện thoại; anh L2 bảo L cùng đi tìm quán cầm đồ để cầm cố chiếc điện thoại lấy tiền trả L. Bản thân anh L2 muốn đi cầm cố điện thoại ở My Điện, thị trấn Nénh, huyện Việt Yên còn L thì bảo đi cầm cố điện thoại ở xã Tăng Tiến, huyện Việt Yên. Do chưa thống nhất được chỗ cầm cố điện thoại ở đâu nên anh L2 bảo L để anh L2 chở L đi cầm cố điện thoại nhưng L không tin tưởng anh L2. Lúc này, L thấy L1 đang ngồi trên xe mô tô của anh L2 thì L bảo L1 điều khiển chiếc xe này chở L và anh L2 đi cầm cố điện thoại thì L1 đồng ý. Khi thống nhất được việc đi cầm cố điện thoại của anh L2 để trả nợ cho mình, L quay ra bảo H cứ đi về phòng trọ của L trước đợi nên H đã đi bộ một mình từ trên cầu về phòng trọ của L trước. Một lúc sau, L1 điều khiển xe mô tô 98E1- 606.53 chở theo L ngồi giữa, anh L2 ngồi sau cùng. Trên đường đi từ trên cầu xuống L và anh L2 vẫn tranh cãi về việc tìm địa điểm cầm cố điện thoại. Khi đi xuống đến vị trí ngã ba tại cây xăng Tăng Tiến (một hướng đi tổ dân phố My Điện, thị trấn Nénh, huyện Việt Yên, một hướng đi vào UBND xã Tăng Tiến, huyện Việt Yên), L bảo L1 rẽ vào hướng đi UBND xã Tăng Tiến. Khi L1 vừa điều khiển xe rẽ vào hướng UBND xã Tăng Tiến thì anh L2 nhảy xuống khỏi xe nên L cũng xuống xe để tiếp tục cãi nhau với anh L2. Thấy anh L2 và L đều xuống khỏi xe mô tô nên L1 đã điều khiển xe đi về phòng trọ của L. Khi về đến cổng, L1 gặp H ngồi ở cổng phòng trọ (vì không có chìa khóa để vào trong). Sau đó, L1 gọi điện đến cho anh L2 để xin gặp L nhưng anh L2 không đồng ý cho L1 gặp L, đồng thời anh L2 yêu cầu L1 mang xe mô tô ra trả cho anh L2 nhưng L1 không mang xe ra nên anh L2 bỏ đi. Sau khi anh L2 bỏ đi, L bảo L1 đi xe ra ngã ba (chỗ anh L2 nhảy xuống khỏi xe trước đó) để đón L. Lúc này, L1 chở H đi cùng, khi gặp L, L1 không nhìn thấy anh L2 đâu. L1 bảo L mang xe của anh L2 sang huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh cầm cố lấy tiền và tiện đường đưa L1 và H về thì L đồng ý. L1 điều khiển xe mô tô chở L và H về huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh, trên đường đi, anh L2 gọi điện cho L1 đòi xe nhưng L bảo anh L2 phải trả tiền cho L thì mới trả xe. Do vậy, anh L2 bảo L “Chúng mày lấy được cứ lấy” rồi tắt điện thoại. L tiếp tục nhắn tin cho anh L2 bảo anh L2 trả tiền nhưng anh L2 vẫn không trả. Lúc này, L1 đến nơi định cầm cố xe thì thấy cửa Hng đã đóng cửa. L đã lên cầm lái điều khiển chở L1 và H đến thôn DN, xã PL, huyện

QV, tỉnh BN vào nH chị Trần Thị Như Q- sinh năm 1995 (là người quen biết xã hội với L) để hỏi vay số tiền 5.000.000 đồng và để chiếc xe mô tô 98E1- 606.53 lại cho chị Quỳnh giữ để làm tin. Sau khi vay được tiền, L cho L1 số tiền 1.500.000 đồng, số tiền còn lại L giữ và dùng chi tiêu cá nhân.

Ngày 25/9/2021, Nguyễn Hữu L được triệu tập đến Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an huyện Việt Yên làm việc. L giao nộp 01 xe mô tô Honda Vision, màu đỏ- nâu, biển kiểm soát 98E1- 606.53 và 01 con dao, dạng dao gấp bằng kim loại màu trắng (inox) có tổng chiều dài 20cm, lưỡi dao vát nhọn về phía đầu, phần rộng nhất của lưỡi dao là 0,8cm.

Tại kết luận định giá tài sản số 169/KL-HĐĐGTS ngày 02/12/2021 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện Việt Yên kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, màu sơn đỏ-nâu, biển kiểm soát 98E1- 606.53 có giá trị 19.000.000 đồng.

Bản cáo trạng số: 252/CT-VKS ngày 26/11/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên truy tố bị cáo Nguyễn Hữu L, và Nguyễn THnh L1 về tội : "*Cưỡng đoạt tài sản*" quy định tại quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự

Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng nêu. Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố tại bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 170; điểm b điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự; Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Hữu L 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội "*Cưỡng đoạt tài sản*", thời hạn tù tính từ ngày bắt thi Hình án.

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 170; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự; Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Thành L1 01 năm 09 tháng đến 02 năm tù về tội "*Cưỡng đoạt tài sản*", thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án

Ngoài ra viện kiểm sát còn đề nghị về án phí, vật chứng, trách nhiệm dân sự.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo L, L1 xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về Hình vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Việt Yên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, không có ý kiến hoặc khiếu nại về Hình vi, quyết định của Cơ quan tiến Hình tố tụng, người tiến Hình tố tụng. Do đó các Hình vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến Hình tố tụng, người tiến Hình tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Hữu L và Nguyễn Thành L1 đã hoàn toàn khai nhận hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu chứng cứ do Cơ quan điều tra thu thập. Do đó có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 23 giờ 20 phút ngày 23/9/2021, tại ngã ba khu vực cây xăng thuộc thôn Chùa, xã Tăng Tiến, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang; Nguyễn Hữu L và Nguyễn THnh L1 có Hnh vi cưỡng đoạt 01 chiếc xe mô tô Honda Vision, màu sơn đỏ- nâu, biển kiểm soát 98E1- 606.53, có trị giá 19.000.000 đồng của anh Nguyễn Tiến L2 rồi mang đi cầm cố lấy tiền chi tiêu cá nhân.

Khi thực hiện Hnh vi phạm tội, các bị cáo đủ độ tuổi và năng lực chịu trách nhiệm hình sự, phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, nên đã đủ yếu tố cấu tHnh tội "*Cưỡng đoạt tài sản*", như vậy bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên đã truy tố bị Nguyễn Hữu L và Nguyễn Thành L1 về tội "*Cưỡng đoạt tài sản*", theo khoản 1 Điều 170, Bộ luật hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về mặt chủ quan của tội phạm: Bị cáo thực hiện Hnh vi với lỗi cố ý.

[4] Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Hội đồng xét xử thấy:

Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố các bị cáo L, L1 đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo L đã nộp lại tài sản đã chiếm đoạt để khắc phục hậu quả; bị cáo L1 có ông nội là liệt sĩ và hiện gia đình bị cáo đang thờ cùng liệt sĩ nên bị cáo L được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "*Người phạm tội đã tự nguyện sửa chữa, khắc phục hậu quả*" và "*Người phạm tội tHnh khẩn khai báo, ăn năn hối cải*" quy định tại điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo L1 được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "*Người phạm tội tHnh khẩn khai báo, ăn năn hối cải*" quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về vai trò của các bị cáo: Các bị cáo phạm tội đồng phạm giản đơn, bị cáo L có vai trò chính là người khởi sự và mang xe đi cầm cố lấy tiền, bị cáo L1 giúp sức tích cực cho bị cáo L.

[5] Từ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân của bị cáo, xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên, Hội đồng xét xử thấy rằng: hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội; Bị cáo L có vai trò đầu, bị cáo L1 có nhân thân xấu đã bị xử phạt hành chính về hành vi "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*" nhưng không lấy làm bài học để sửa chữa, do đó có thể thấy rằng bị cáo không chịu tu dưỡng rèn luyện khó giáo dục nên cần thiết phải cách ly bị cáo một thời gian cần thiết để giáo dục bị cáo thành công dân có ích cho xã hội.

Tuy nhiên xét về nguyên nhân dẫn đến việc phạm tội là do bị hại là anh Nguyễn Tiến L2 đã nợ tiền bị cáo L từ lâu, bị cáo đòi không trả; các bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ do vậy Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo dưới mức đề nghị của Viện kiểm sát thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với các bị cáo.

[6] Hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp, không có tài sản nên Hội đồng xét xử không áp dụng.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Đối với anh Nguyễn Tiến L2, quá trình điều tra, Cơ quan điều tra triệu tập nhiều lần nhưng anh L2 không có mặt, tiền Hnh xác minh tại địa phương nơi cư trú, gia đình và địa phương xác định anh L2 không có

mặt tại địa phương, anh L2 đi đâu, làm gì, ở đâu gia đình và địa phương không biết. Do vậy, Cơ quan điều tra đã tách phần trách nhiệm dân sự ra khỏi hồ sơ vụ án, khi nào anh L2 có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng một vụ việc dân sự khác

[8] Về vật chứng: Đối với xe mô tô Honda Vision, màu sơn đỏ- nâu, biển kiểm soát 98E1- 606.53 anh L2 bị L và L1 chiếm đoạt, quá trình điều tra xác định được đây là xe anh L2 mượn của anh Vi Văn T, sinh năm 1991, trú tại thôn L, xã KT, huyện LN, tỉnh BG; chiếc xe mang tên đăng ký chủ sở hữu của vợ anh Toàn là chị Ninh Thị Đ- sinh năm 1994, trú tại thôn B, xã ND, huyện LN, tỉnh BG. Ngày 05/8/2022, Cơ quan điều tra đã trả lại chị Đoàn chiếc xe trên. Đến nay anh Toàn, chị Đoàn không yêu cầu bồi thường dân sự.

Đối với 01 con dao, dạng dao gấp bằng kim loại màu trắng (inox) có tổng chiều dài 20cm, lưỡi dao vát nhọn về phía đầu, phần rộng nhất của lưỡi dao 0,8cm là công cụ phạm tội cần tịch thu tiêu hủy

[9] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Hữu L và Nguyễn THnh L1 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật,

[11] Đối với Hoàng Thị Thu H là người đã có Hnh vi gọi điện thoại cho anh Nguyễn Tiến L2 nói dối tên là Huyền và hẹn anh L2 đến cầu vượt đi bộ qua cao tốc thuộc địa phận thôn Chùa, xã Tăng Tiến, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang để cho L đến gặp anh L2 đòi nợ, sau đó L đã chiếm đoạt xe mô tô của anh L2. Tuy nhiên, quá trình điều tra H khai bản thân H chỉ được L nhờ nói dối tên là Huyền để hẹn gặp anh L2 hộ L, việc L và L1 bàn nhau đòi nợ anh L2, việc L mang theo dao và trong khi nói chuyện với anh L2, L đã sử dụng dao để dọa anh L2, yêu cầu anh L2 trả nợ và việc L cùng L1 chiếm đoạt xe mô tô của anh L2 thì H không biết, không được bàn bạc. Do đó, Hnh vi của H không vi phạm pháp luật.

Đối với chị Trần Thị Như Q là người đã nhận cầm cố xe mô tô biển kiểm soát 98E1- 606.53 của Nguyễn Hữu L. Tuy nhiên, khi nhận cầm cố, cho vay tiền chị Quỳnh không biết đó là xe do L phạm tội mà có nên chị Quỳnh không vi phạm pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 170; điểm b khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự; Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Hữu L 01 năm 06 tháng tù về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi Hnh án.

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 170; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự; Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Thành L1 01 năm 03 tháng tù về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Về vật chứng: Áp dụng điểm a, điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự

Tịch thu tiêu hủy: 01 con dao, dạng dao gấp bằng kim loại màu trắng (inox) có tổng chiều dài 20cm, lưỡi dao vát nhọn về phía đầu, phần rộng nhất của lưỡi dao 0,8cm.

+ Về án phí: Áp dụng Khoản 2 Điều 135, Khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Bị cáo Nguyễn Hữu L, Nguyễn Thành L1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm án phí dân sự sơ thẩm,

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo, có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Bắc Giang;
- Viện Kiểm Sát ND tỉnh Bắc Giang;
- Viện Kiểm Sát ND huyện Việt Yên;
- Sở Tư pháp;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang;
- Công an huyện Việt Yên (CQCSĐT+ CQTHAHS);
- Chi cục thi hành án DS huyện Việt Yên;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng khác;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hữu Luyện

